

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CD: TRƯỜNG MN THÂN YÊU CỦA BÉ**  
Số tuần: 4 tuần, từ ngày 09/09 đến ngày 04/10/2024

**I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC**

ST T	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
<b>1. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>					
<b>a) Phát triển vận động</b>					
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: hô hấp; tay; lưng, bụng, lườn; chân. - Tay: Đưa 2 tay	Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau Chân: Bật tách chụm chân tại chỗ	- HĐH: Tập BTPTC: + HH: Thổi bóng bay, Thổi nơ. + Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay; nắm, mở bàn tay; quay cổ tay, kiễng chân); Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, kiễng chân) - Lưng, bụng, lườn:	` Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu).	+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. + Cúi người về trước
3	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái; + Cúi về phía trước + Chân: Bật tách chụm chân tại chỗ. ` Bật, đưa chân sang ngang.	Chân: ` Bật, đưa chân sang ngang.	+ Lưng, bụng, lườn: Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái; Cúi về phía trước + Chân: Bật tách chụm chân tại chỗ. ` Bật, đưa chân sang ngang. - Hoạt động chơi: Thổi

					bóng bay, thổi nơ	
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót.		* Hoạt động học: - Đi kiễng gót; Đi bằng gót chân; Đi bằng mép ngoài bàn chân TCVD: Lộn cầu vòng "TCTV : Kiễng gót, mép ngoài"	
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bằng gót chân	- Đi bằng gót chân			
6	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bằng mép ngoài bàn chân	Đi bằng mép ngoài bàn chân			
10	3	Trẻ có thể phối hợp tay- mắt trong vận động: Lăn bóng với cô	- Tung bóng lên cao và bắt bóng	- Lăn bóng với cô.	* Hoạt động học: - Lăn bóng với cô; Tung bóng lên cao và bắt bóng. TC: Dung dăng dung dẻ	
11	4	Trẻ có khả năng phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung bóng lên cao và bắt bóng				
12	5	Trẻ có khả năng phối hợp tay- mắt trong				

		vận động: Tung bóng lên cao và bắt bóng			
13	3	Trẻ có thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: Bò theo hướng thẳng, bật về phía trước	- Bò ( theo hướng thẳng, bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m) `Bật (về phía trước ; liên tục về phía trước; liên tục vào vòng)	* Hoạt động học: - Bò theo hướng thẳng; Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m. TC: Mèo đuổi chuột - Bật về phía trước, bật liên tục về phía trước; Bật liên tục vào vòng. TC: Lộn cầu vòng	
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m. Bật liên tục về phía trước			
15	5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m. Bật liên tục vào vòng			
16	3	Trẻ có thể thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay.	- HĐchơi: - Góc XD "Xây trường lớp mầm non, xây công viên của bé" TCTV; Đu quay, cầu trượt, bập bênh, xích đu	
17	4	Trẻ có khả năng thực hiện được các vận động:	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay.  - Gập giấy.	- Góc tạo hình: Vẽ tô màu, làm	

		- Cuộn - xoay tròn cổ tay.			sách, tranh về trường lớp mầm non, nặn bánh trung thu.	
18	5	Trẻ có khả năng thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.		- Thực hành: Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.	
19	3	Trẻ phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc. Xếp chồng 8-10 khối không đổ.		` Xếp chồng các hình khối khác nhau.	* <b>HD lao động:</b> ` Hướng dẫn trẻ tự cài quai dép, ba lô, cởi cúc áo. ` Thực hành: Cài quai dép, cài, cởi cúc áo.	
20	4	Trẻ có thể phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc. ` Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.	` Cài, cởi cúc	` Lắp ghép hình.	* <b>HD chơi:</b> ` Góc XD: Xếp chồng các hình khối, lắp ghép hình, xây trường mầm non, lớp mẫu giáo của bé; Xếp khu vui chơi... ` Góc học tập: Thực hành: Tô, đồ các chữ cái theo nét in mờ...	
21	5	Trẻ có thể phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Tự cài, cởi cúc. ` Sao chép các chữ cái, chữ số. ` Xếp chồng		` Đồ theo nét. ` Lắp ráp.		

		12-15 khối theo mẫu.				
<b>b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>						
25	3	Trẻ có khả năng biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	` Nhận biết một số món ăn quen thuộc.			- Hoạt động chơi: Góc phân vai: Cho trẻ tập một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống..
26	4	Trẻ có khả năng nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.			TCTV: Thái rau, băm thịt, vo gạo, nấu chín..
27	5	Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. -Tháo tất, cởi quần, áo....	` Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.			
31	3	Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. -Tháo tất, cởi quần, áo....		` Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.		- HĐ ăn, vệ sinh, lao động: Thực hành: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng, xúc miệng. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định...
32	4	Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự	* 3-4-5 Tuổi: ` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. ` Tập/rèn luyện thao tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng.			- TCTV: Rửa tay, lau mặt, xúc miệng

		lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Giữ gìn vệ sinh thân thể; Tiết kiệm nước * 4-5 tuổi: ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định			
33	5	Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch		` Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.		
34	3	` Trẻ có khả năng sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.			* <b>HD ăn</b> + Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc uống nước đúng cách... + Tổ chức giờ ăn cho trẻ. + Quan sát và đàm thoại về cách sử dụng một số đồ dùng trong gia đình đúng cách: Ca, cốc, bát...	
35	4	` Trẻ có khả năng tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	` Cách sử dụng đồ dùng khi ăn uống			
36	5	` Trẻ có khả năng sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo			* <b>HD chơi</b> + Thực hành cách cầm thìa bát: Chơi bẻ	

				em, cho bé ăn bột.	
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất đủ lượng.	- HD ăn: Thực hành: Trẻ mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.	
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.	- Trước khi ăn phải mời, ăn từ tốn, ăn hết xuất, khi ăn không làm rơi vãi		
39		Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.			
54	5	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	- Không chơi ở những nơi không an toàn đến tính mạng. - Nhận biết những hành động nguy hiểm đến tính mạng	- Hoạt động chơi: Góc phân vai: Lớp học cho trẻ xem 1 số tranh tự ý đi chơi, leo trèo..., góc gia đình. - Chơi ngoài trời: Thực hành: Tránh những hành động nguy hiểm đến không leo trèo cây, tường rào...	
<b>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>					
<b>a) Khám phá khoa học</b>					
59	3	Trẻ có thể mô	- Đặc điểm, công dụng và cách	- HDC:	

		tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	sử dụng DDĐC - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1,2,3 dấu hiệu. - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.	Trải nghiệm: Gieo hạt + Làm đồ chơi từ phế liệu. - Làm đồ chơi từ giấy + Trải nghiệm: Làm bánh trung thu	
64	4	Trẻ có khả năng nhận xét trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. Tìm đúng đồ dùng đồ chơi;		
69	5	Trẻ có khả năng nhận xét và thảo luận về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát			
70	3	Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.		- HĐH: KPKH: Trò chuyện một số đồ dùng đồ chơi của lớp " TCTV: Hộp bút, búp bê, khăn mặt" - HĐC:TCM "Hãy tìm đồ vật có dạng hình này"	
71	4	Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.			
72	5	Trẻ có khả năng phân loại các đồ dùng, đồ chơi theo những dấu hiệu khác nhau về hình dáng, màu sắc, chất liệu			



		...			
<b>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>					
81	3	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	` Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi (5; 10) và đếm theo khả năng.	- Một và nhiều	- HĐ chơi: Góc học tập. Cùng cố kỹ năng đếm trong phạm vi 5, 10 và đếm theo khả năng. - HĐH: Toán: Nhận biết 1 và nhiều, nhận biết số 1; Ôn nhận biết số lượng, chữ số trong phạm vi 5 - Cùng cố nhận biết các nhóm có số lượng trong phạm vi 2,6, đếm đến 2, 6, nhận biết số 2, 6. Số thứ tự trong phạm vi 2, 6 .
82		Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5			
83		Trẻ có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
84		Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...			
85		Trẻ có khả năng đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.			
86		Trẻ có khả năng so sánh số lượng của			

		hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.				
87		Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...				
88	5	Trẻ có khả năng đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng				
89		Trẻ có khả năng so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.				
<b>c) Khám phá xã hội</b>						
126	3	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò	* 3,4T: ` Tên lớp mẫu giáo/địa chỉ của trường, lớp *3,4,5T: ` Tên và công việc của cô giáo (4,5T: và các cô bác trong trường)	- HĐ học: KPKH: Trò chuyện một số đồ dùng đồ chơi của lớp - HĐC: Trò		

		chuyện.	<p>` Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp/Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn/Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường</p> <p>- <i>Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường.</i></p> <p>- <i>Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i></p> <p>- <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường</i></p>	<p>chơi: Thi nói nhanh</p> <p>Đóng vai:</p> <p>Bác cấp dưỡng, cô giáo, bác sĩ..</p> <p>-Trò chuyện về trường mầm non thân yêu của bé</p>	
127	4	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.			
128		Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.			
129		Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.			
130	5	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.			
131		Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.			
132		Trẻ nói được họ tên và đặc			

		điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.			
136	3	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: Ngày tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước: Ngày quốc khánh 2/9; ngày khai giảng năm học mới 5/9, tết trung thu. - Nhớ ơn Bác, quan tâm tới các bạn	- HĐH: Trò chuyện về tết trung thu TCTV: Đền lồng; bánh nướng; kỳ lân HĐC: Xem tranh, video về ngày 2/9	
138	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của ngày tết trung thu.			
140	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ngày quốc khánh 2/9; ngày khai giảng năm học mới 5/9. ví dụ nói: "Ngày tết trung thu được rước đèn, xem múa lân, phá cỗ...".			
<b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>					
151	3	Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.	` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; có chứa các âm khó; có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu)	- HĐH: KPKH: Tìm hiểu về lớp học, đồ dùng đồ chơi của bé. - HĐC: Đóng vai Người bán hàng, mua hàng, cô giáo, công nhân xây dựng... TCTV: bác sĩ, nấu ăn; xây	
152		Trẻ có thể sử dụng được			

		các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		dụng Thực hành: Đặt câu hỏi: Bác mua gì?, Người bán hàng phải làm gì? Khi mua hàng người mua hàng phải làm gì...	
153		Trẻ có khả năng nói rõ để người nghe có thể hiểu được.			
154	4	Trẻ có khả năng sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... Trẻ dân tộc biết sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày			
155	5	Trẻ có khả năng kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ dân tộc có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được bằng tiếng việt.			
156		Trẻ có khả năng sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...			

		phù hợp với ngữ cảnh. Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.			
163	3	Trẻ có khả năng đọc thuộc bài thơ : Cô giáo của em, trăng ơi từ đâu đến, bập bênh, ca dao, đồng dao dung dăng dung dẻ.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè về chủ đề trường mầm non, tết trung thu	HĐ Học: - Đọc thơ: Cô giáo của em; bập bênh, trăng ơi từ đâu đến TCTV: Xếp hàng, học chữ, vào lớp,.. - Đồng dao: Dung dăng dung dẻ, thằng bồm,..	
164	4				
165	5	- Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ " Cô giáo của em, trăng ơi từ đâu đến, bập bênh - Đồng dao: dung dăng dung dẻ.			
166		Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao, đồng dao...			
177	3	Trẻ biết sử dụng các từ:	` Sử dụng một số từ trong giao tiếp với bạn bè và người lớn	* <b>HĐ chơi</b> + Trò chuyện,	

		"Vâng ạ" "Dạ"; "Thưa"...trong giao tiếp		xem tranh hành động một số cử chỉ lễ phép + Thực hành nói lời lễ phép lịch sự	
178	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.			
179	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; " Thưa"; "Dạ"; "Vâng"...phù hợp với tình huống.			
188	4	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	* 3,4,5T: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	- HĐ Vệ sinh, lao động: Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định( kí hiệu nam, nữ) + Thực hành: Nhận ký hiệu ở góc chơi, khăn mặt, cốc....	
189	5	Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, ...			
190	3	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.	` Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	+ HĐ học: Làm quen chữ cái o, ô, ơ + HĐC: TC với chữ cái., tìm bạn, ghép chữ	
191	4	Trẻ có thể sử dụng ký hiệu để "Viết"; tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	` Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Nhận dạng các chữ cái o, ô, ơ		

192	5	Trẻ có khả năng nhận dạng và phát âm đúng chữ cái o, ô, ơ		Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		
193	5	Trẻ có khả năng tô đồ theo các nét o, ô, ơ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới	- Tập tô, tập đồ các nét chữ o, ô, ơ		+ HĐ học: Tập tô chữ cái o, ô, ơ. - HĐC: Tô, xếp chữ	
<b>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</b>						
224	3	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, ...	* 3, 4, 5T: Một số quy định ở lớp và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). * Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi		- HĐH: PTKNXH - Thực hiện một số quy định ở trường lớp - TCTV: Sắp xếp, ngăn nắp, quy định, - HĐ ăn, ngủ, lao động vệ sinh: Thực hành vệ sinh, giờ ăn, ngủ, sinh hoạt hàng ngày.	
225	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp : Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.				
226	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, có trách nhiệm, không làm ồn				



		nơi công cộng, Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. Không leo trèo cây, ban công, tường rào...			
233	3	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	` Chơi hòa thuận với bạn.		Hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động lao động vệ sinh Chú ý lắng nghe, quan tâm chia sẻ đến mọi người.
234	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật..)	` Quan tâm giúp đỡ bạn (Chia sẻ 5T)	` Hợp tác với bạn	
235	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.			
236	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	` Chờ đến lượt.		
237		Trẻ biết chờ đến lượt.			
238	5	Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến). (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác,	` Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.		

		chấp nhận nhường nhịn).			
<b>5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</b>					
249	3	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng		HDH: Âm nhạc NDTT: VTTN: Rước đèn dưới ánh trăng Nghe hát: Chiếc đèn ông sao Trò chơi: Đoán tên bạn hát NH: Ngày đầu tiên đi học	
250	4	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	` Bộc lộ cảm xúc/ bộc lộ cảm xúc phù hợp/ thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống		
251	5	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của			

		các sự vật, hiện tượng.			
252	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: Đi học, Chiếc đèn ông sao, Ngày đầu tiên đi học, : Em yêu trường em			
253	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc Đi học, Chiếc đèn ông sao, Ngày đầu tiên đi học, : Em yêu trường em	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau về chủ đề Trường MN. tết trung thu		
254	5	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp ) theo bài hát, bản nhạc Đi học, Chiếc đèn ông sao, Ngày đầu tiên đi học, : Em yêu trường			

		em			
258	3	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).		` Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	* HĐH: Âm nhạc NDTT: VTMH: Đu quay NDTT: VTTN: Rước đèn dưới ánh trăng TC: Đoán tên bạn hát
259	4	Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	`4-5T: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. ` 3,4,5T: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm, theo phách, nhịp; tiết tấu(4,5T)		
260	5	Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).		` Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
266	3	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình...	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật trong chủ đề trường MN, tết trung thu		- HĐH: Tạo hình Cắt dán đèn Lồng( M) Vẽ đồ chơi (ĐT)) + HĐC: Thực hành: Vẽ, nặn, xé dán đồ dùng đồ chơi.

267	4	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình			
268	5	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình			
272	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bộ cục</li> </ul>	- HDC: Trẻ sử dụng các kỹ năng vẽ tranh về trường mầm non	
273	4	Trẻ có khả năng phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bộ cục.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu quý, nghe lời cô giáo</li> </ul>		
274	5	- Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài			

		hoà, bố cục cân đối.			
284	3	Trẻ có khả năng nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình: Vẽ đồ chơi; cắt dán đèn lồng	HDC: Vẽ đồ chơi (đt); cắt dán đèn lồng	
285	4	Trẻ có khả năng nhận xét được các sản phẩm tạo hình Vẽ chân dung cô giáo; Làm đèn lồng ; Nặn đồ dùng đồ chơi tặng bạn về màu sắc, hình dáng.			
286	5	Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình Vẽ chân dung cô giáo; Làm đèn lồng ; Nặn đồ dùng đồ chơi tặng bạn về màu sắc, hình dáng, bố cục			

**Tổng số mục tiêu: 102**

## II. CHUẨN BỊ

- Khăn lau, xô chậu. Bóng 10-15 quả, rổ đựng bóng
- Tranh ảnh, hoạ báo có hình ảnh về trường lớp mầm non, giấy, kéo, keo dán... Các đồ chơi trong lớp: Sách bút, ca cốc, khăn mũ...
- Các nhóm đồ dùng đồ chơi có số lượng 5. Thẻ số 1- 6
- Hình ảnh thơ, truyện: Bạn mới, cô giáo của em, bập bênh,...
- Thẻ chữ cái o, ô, ơ; thẻ, tranh ghép từ, vở tập tô
- Bộ đồ chơi cô giáo, sách bút, bảng, phấn...
- Tranh ảnh sách, bút, bưu thiếp, kéo, giấy màu, nắp chai...
- Bộ xây dựng lắp ghép, cây cảnh, hoa. Giấy vẽ, bút sáp, bàn ghế, kệ tranh, giá treo.

## III. MỞ CHỦ ĐỀ

- Trò chuyện đàm thoại với trẻ về: Tên trường, tên lớp, các hoạt động chăm sóc và giáo dục ở trường, lớp.
- Trong khi trò chuyện, đàm thoại với trẻ cô khuyến khích trẻ trả lời hoặc đưa ra những câu hỏi về những vấn đề liên quan.
- Cô và trẻ sưu tầm, chuẩn bị các nguyên vật liệu để trẻ hoạt động trong chủ đề.
- Sử dụng câu đố, tranh thơ truyện với nội dung phù hợp để dẫn dắt trẻ vào chủ đề.
- Thông báo với phụ huynh về nội dung chủ đề trường mầm non thân yêu của bé, huy động phụ huynh cùng thu thập phế liệu, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Ngày 30 tháng 08 năm 2024

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
*(Duyệt)*

**NGƯỜI LẬP**

**Quàng Thị Khuyên**

**Cà Thị Lả**